TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ SƠN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Khiểu;
2. Ông Thái Đình Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Già Bá Lầu - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Đức Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Học Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Học Thị T vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn Đ lấy nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm về thủ tục và điều kiện kết hôn. Thời gian đầu khi mới lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vi Văn Đ không quan

tâm chăm sóc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể hòa giải được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện chị Học Thị T không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Vi Gia B, sinh ngày 12/01/2016. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vi Gia B cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Vi Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Học Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh anh Vi Văn Đ thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, anh Vi Văn Đ cũng không khai báo với chính quyền địa phương về việc thay đổi nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã C và tại Bản H, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Vi Văn Đ vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204, 207, 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Cho chị Học Thị T và anh Vi Văn Đ được ly hôn;

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Vi Gia B, sinh ngày 12/01/2016 cho chị Học Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ

tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vi Văn Đ do chị Học Thị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Học Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Học Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Học Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn Đ có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Học Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vi Văn Đ thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho đương sự hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Học Thị T và anh Vi Văn Đ tự nguyện kết hôn sau một thời gian tìm hiểu, kết hôn đúng điều kiện, nơi đăng ký kết hôn là tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vi Văn Đ không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể hòa giải được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của chị Học Thị T và anh Vi Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho chị Học Thị T được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

[3.2] Về con chung: Chị Học Thị T và anh Vi Văn Đ có 01 con chung là cháu Vi Gia B, sinh ngày 12/01/2016. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vi Gia B cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Vi Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay anh Đ thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, nên việc giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc là không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Vì vậy, cần giao con chung là cháu Vi Gia B, sinh ngày 12/01/2016cho chị Học Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị Học Thị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Vi Văn Đ. Trường hợp Chị T nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Đ có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Học Thị T không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5]Về án phí: Nguyên đơn chị Học Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Học Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Học Thị T được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vi Gia B, sinh ngày 12/01/2016cho chị Học Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vi Văn Đ do chị Học Thị T không yêu cầu. Anh Vi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ

chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp Chị T là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Đ có căn cứ chứng minh thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

3. Về án phí: Chị Học Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0004295 ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Học Thị T có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2023). Bị đơn anh Vi Văn Đ vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên